TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/DS-ST
Ngày: 16-9-2022
"V/v Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền; hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vũ.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Như Quang.
2. Ông Ksor Thí.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà***: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên;

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2022, về việc *"Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền; hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H; địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H1; địa chỉ: Thôn T, thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Bà H1 có mặt, ông B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Phạm Thị H trình bày:

Ngày 20/11/2018, bà Trần Thị Minh H1 và ông Hoàng Vương B nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị H 01 rẫy cà phê với giá 400.000.000 đồng, đã thanh toán 200.000.000 đồng, nợ lại số tiền là 200.000.000 đồng. Ngày 01/3/2019, bà H1 vay

của bà H số tiền 10.000.000 đồng để mua bảo hiểm; Ngày 13/6/2019 bà H1 và ông B vay của bà H số tiền 30.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng. Trong các giấy vay tiền các bên không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ nhưng bà H1 và ông B cam kết sẽ thanh toán toàn bộ các khoản nợ cho bà H vào cuối năm 2019. Sau đó, bà H cũng đã nhiều lần yêu cầu ông B, bà H1 trả nợ nhưng đến nay họ vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B và bà H1 phải liên đới trả cho bà H số tiền nợ nợ chung là 230.000.000 đồng và buộc bà H1 phải trả số tiền nợ riêng là 10.000.000 đồng. Bà H không yêu cầu tiền lãi.

2. Bị đơn bà bà Trần Thị Minh H1 trình bày:

Ngày 20/11/2018, bà H1 và ông B có nhận chuyển nhượng thửa đất của bà Phạm Thị H với giá 400.000.000 đồng, đã thanh toán 200.000.000 đồng và còn nợ số tiền là 200.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận mỗi năm bà H1 và ông B trả cho bà H số tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất của Ngân hàng nhưng do mất mùa nên bà H1 và ông B chưa trả nợ cho bà H; Ngoài ra, ngày 01/3/2019, bà H1 còn vay của bà H số tiền 10.000.000 đồng để mua bảo hiểm. Ngày 13/6/2019 bà H1 và ông B nhận nợ của bà H số tiền 30.000.000 đồng. Bà H1 công nhận đến nay bà H1 và ông B còn nợ chung của bà H tổng số tiền là 230.000.000 đồng và bà H1 nợ riêng của bà H số tiền 10.000.000 đồng. Bà H cũng đã nhiều lần yêu cầu bà H1 và ông B thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H, nhưng vì điều kiện khó khăn nên chưa thực hiện được nghĩa vụ trả nợ.

3. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là ông Hoàng Vương B đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng ông Hoàng Vương B cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của ông Hoàng Vương B.

4. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn Trần Thị Minh H1 chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là ông Hoàng Vương B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn là ông Hoàng Vương B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về số tiền nợ: Bà Phạm Thị H và bà Trần Thị Minh H1 đều thừa nhận, bà Trần Thị Minh H1 và ông Hoàng Vương B nợ chung bà Phạm Thị H số tiền nhận chuyển nhượng đất ngày 20/11/2018 là 200.000.000 đồng và ngày 13/6/2019 nợ số tiền 30.000.000 đồng. Tổng cộng là 230.000.000 đồng. Bà H1 nợ riêng bà H số tiền 10.000.000 đồng; Đến nay bà H1 và ông B chưa trả cho bà Phạm Thị H toàn bộ các khoản tiền nói trên mặc dù bà H đã đòi nợ nhiều lần. Lời thừa nhận của các đương sự là phù hợp với nội dung các chứng cứ do bà H cung cấp là Giấy mượn tiền ghi ngày 13/6/2019, Giấy mượn tiền ghi ngày 1/3/2019 và giấy nhận nợ ngày 20/11/2018. Ông B không tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến phản đối với lời khai của bà H, bà H1 hay chứng cứ do bà H đưa ra. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định, ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nợ nêu trên cho bà Phạm Thị H là có thật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H là có căn cứ theo quy định tại Điều 228, Điều 288, Điều 357 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Buộc bà Trần Minh H1 phải trả cho bà Phạm Thị H toàn bộ số tiền nợ là 10.000.000 đồng; Buộc bà Trần Thị Minh H1 và ông Hoàng Vương B phải liên đới trả cho bà Phạm Thị H toàn bộ số tiền nợ là 230.000.000 đồng.

[4] Về tiền lãi: Bà Phạm Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 280, Điều 288, Điều 351, Điều 352, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

Buộc bà Trần Minh H1 phải trả cho bà Phạm Thị H toàn bộ số tiền nợ là 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*.

Buộc bà Trần Thị Minh H1 và ông Hoàng Vương B phải liên đới trả cho bà Phạm Thị H toàn bộ số tiền nợ là 230.000.000 đồng *(Hai trăm ba mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Minh H1 phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 500.000 đồng *(Năm trăm nghìn đồng)*; Buộc bà Trần Thị Minh H1 và ông Hoàng Vương B phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.500.000 đồng *(Mười một triệu năm trăm nghìn đồng)*; Bà Phạm Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Phạm Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.000.000 đồng *(Sáu triệu đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008500 ngày 24-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Về thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Vũ